

1. Nối cách đọc các số đo diện tích cho phù hợp:

59mm²



Ba trăm linh năm xăng-ti-mét vuông.

305cm²



Hai trăm tám mươi sáu héc-tô-mét vuông.

67dam²



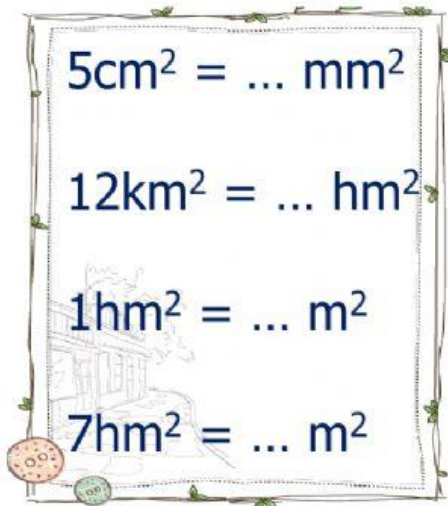
Năm mươi chín mi-li-mét vuông.

286hm²

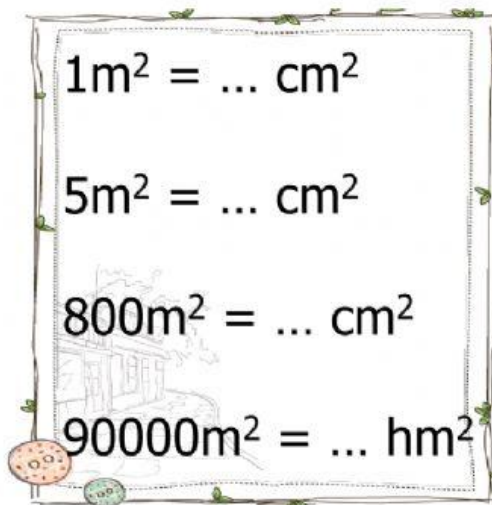


Sáu mươi bảy đề-ca-mét vuông.

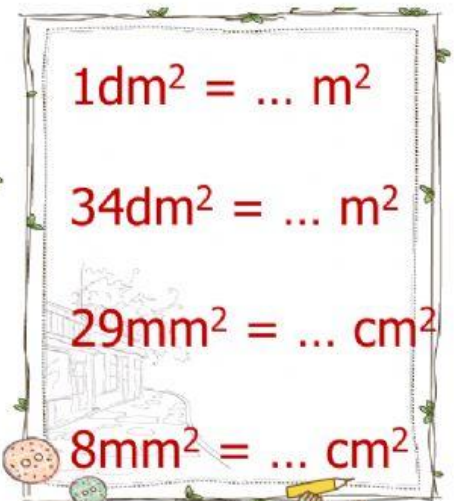
2. Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ chấm:



$5\text{cm}^2 = \dots \text{mm}^2$
 $12\text{km}^2 = \dots \text{hm}^2$
 $1\text{hm}^2 = \dots \text{m}^2$
 $7\text{hm}^2 = \dots \text{m}^2$



$1\text{m}^2 = \dots \text{cm}^2$
 $5\text{m}^2 = \dots \text{cm}^2$
 $800\text{m}^2 = \dots \text{cm}^2$
 $90000\text{m}^2 = \dots \text{hm}^2$



$1\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2$
 $34\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2$
 $29\text{mm}^2 = \dots \text{cm}^2$
 $8\text{mm}^2 = \dots \text{cm}^2$

